

bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vào năm 2015 chị bắt đầu bán cám cho anh chị H V về chăn nuôi theo hình thức trả chậm hai bên có thỏa thuận sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi từ 3 đến 4 tháng anh chị H V phải thanh toán hết số tiền còn nợ do mua cám. Tính đến ngày 26/10/2016 anh chị H V còn nợ vợ chồng chị tổng số tiền là 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng tiền gốc*). Hai bên có thỏa thuận anh H chị V sẽ phải chịu lãi suất 1,5%/ tháng. Ngày 09/6/2017 hai bên thống nhất cộng cả số tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 26/10/2016 đến ngày 26/5/2017 là 16.842.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi hai triệu đồng*), tổng số tiền cả gốc và lãi là 177.262.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Anh chị H V đã trả tiền lãi của tháng 6, tháng 7, tháng 8 năm 2017 tổng số tiền là 7.600.000đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*), từ ngày 27/8/2017 đến nay anh chị H V chưa trả cho chị. Nay chị yêu cầu anh Lý Văn H và chị Hứa Thị V phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số tiền 177.262.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền gốc và tôi yêu cầu tính lãi suất của số tiền 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) tính từ ngày 27/8/2017 trở đi theo lãi suất 0,83%/ tháng.

Lời khai anh Phạm Hồng T gia đình anh có bán thức ăn chăn nuôi cho gia đình anh H chị V, đến ngày 26/10/2016 anh chị H V còn nợ vợ chồng anh tổng số tiền là 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng tiền gốc*). Hai bên có thỏa thuận anh H chị V sẽ phải chịu lãi suất 1,5%/ tháng. Ngày 09/6/2017 hai bên thống nhất cộng cả số tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 26/10/2016 đến ngày 26/5/2017 là 16.842.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi hai triệu đồng*), tổng số tiền cả gốc và lãi là 177.262.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Nay anh yêu cầu anh Lý Văn H và chị Hứa Thị V phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền 177.262.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền gốc và yêu cầu tính lãi suất của số tiền 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) tính từ ngày 27/8/2017 trở đi theo lãi suất 0,83%/ tháng.

Lời khai của bị đơn Chị Hứa Thị V thể hiện: Do có quen biết với anh T, chị T1 nên năm 2015 vợ chồng chị có mua cám của anh chị T T1 về chăn nuôi theo hình thức trả chậm, hai bên có thỏa thuận sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi thì vợ chồng chị sẽ trả số tiền mua cám cho vợ chồng anh chị T T1. Tuy nhiên, do chăn nuôi thua lỗ nên không có tiền để trả cho anh chị T T1. Tính đến ngày 26/10/2016 vợ chồng chị còn nợ anh chị T T1 số tiền là 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) hai bên có thỏa thuận vợ chồng chị phải trả tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất 1,5%/ tháng. Đến ngày 09/6/2017 hai bên đã cộng lãi của số tiền còn nợ thành 16.842.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Tổng số tiền vợ chồng chị còn nợ anh chị T T1 là 177.262.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Vợ chồng chị đã trả lãi của tháng 6, tháng 7, tháng 8 năm 2017 là 7.600.000đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*). Kể từ ngày 27/8/2017 đến nay chị chưa trả cho anh T, chị T1. Nay anh chị T T1 khởi kiện yêu cầu chị và anh H

phải trả số tiền còn nợ là 177.262.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền gốc chi đồng ý nhưng xin trả dần. Về lãi suất đồng ý trả lãi cho chị T1 của số tiền 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) tính từ ngày 27/8/2017 trở đi theo lãi suất 0,83%/ tháng.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Chưa chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 143; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Xử: buộc anh H, chị V phải thanh chị T1, anh T số tiền gốc là 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) và lãi là 61.637.272 (*Sáu mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tổng là 222.057.272đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu không trăm không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng*).

Miễn án phí cho anh H, chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lý Văn H đã được Tòa án Thông báo Thụ lý, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc do vậy Tòa án không lấy được lời khai anh H; Tại phiên tòa anh H, chị V đã được triệu họp lần thứ 2 nhưng vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị V.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 160.420.000đ. Tòa án thấy rằng do có quan hệ quen biết nên anh Lý Văn H và chị Hứa Thị V có mua thức ăn chăn nuôi của anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị T1 từ năm 2015 tính đến ngày 26/10/2016 anh H, chị V còn nợ anh Thành chị Thuộc số tiền là 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Chị V thừa nhận còn nợ lại số tiền này do đó xác định nợ gốc chị V, anh H còn nợ lại là 160.420.000đ.

[3] Đối với tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/10/2016 đến nay tính tròn là 52 tháng với lãi suất là 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự khi bên mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả và việc yêu cầu tính lãi là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

$$160.420.000đ \times 0,83\% \times 52 = 69.237.272đ.$$

Chị V, anh H đã trả 7.600.000đ tiền lãi do đó số tiền lãi còn lại là 61.637.272đ.

$$\text{Tổng cộng gốc và lãi là } 61.637.000đ + 160.420.000đ = 222.057.272đ$$

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Anh H, chị V cùng mua thức ăn chăn nuôi, để chăn nuôi phục vụ mục đích kinh tế phát triển chung, do vậy cần buộc anh H, chị V trả nợ cho anh T, chị T1.

[5] Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Yêu cầu của anh T, chị T1 là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/UBTV.

Anh H, chị V là người dân tộc sống vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/UBTV, Tòa án miễn án phí cho anh H, chị V.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị T1 buộc anh Lý Văn H, chị Hứa Thị V phải thanh toán cho anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị T1 số tiền gốc là 160.420.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) và lãi là 61.637.272 (*Sáu mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng*) tổng là 222.057.272đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn án phí cho anh Lý Văn H, chị Hứa Thị V; trả lại chị Nguyễn Thị T1 số tiền tạm ứng án phí 5.730.000đ đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004581 ngày 08/12/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Hữu Luyện